

# ARCLUNE · ADDENDUM · KINH TẾ & ĐAN DƯỢC — v0.8

DocMeta: {"doc\_id": "AR.ALCH.UNIFIED", "version": "0.8", "unified\_from": ["Addendum\_KinhTe\_Da"]}

Thứ tự trong file:

- 1) v0.7e (PATCH\_FIXED\_FULL) — trực chính hiện hành
- 2) v0.7z (có chỉnh sửa nhỏ) — phần tinh chỉnh/ghi chú bổ sung

Gợi ý quản trị kho: đánh dấu bản 0.8 này là ‘chuẩn’, chuyển hai bản 0.7 vào thư mục /ARCHIVE.

# ARCLUNE · ADDENDUM · KINH TẾ & DAN DƯỢC — v0.7e (PATCH, không ổn định)

Bản vá font full VN + tái dựng nội dung (không ô vuông).

DocMeta (máy đọc nhanh): doc\_id: AR.ECON.DRUGS · anchors: RM.ECON.DRUGS, RM.HERB.SUPERHERB, RM.HERB.SONGSINH, RM.DRUGS.CANON.

0) Mục tiêu patch: Nhúng đủ 5 siêu nguyên linh (địa bàn, tư chất, ứng dụng), chuẩn hoá nhánh đan dược theo hệ Hồi Nguyên/Huyết Linh/Tĩnh Linh; làm rõ Song Sinh Tĩnh Đế Liên (SSTĐL) và mối tương quan. Khoá tỉ giá mềm: 100 VNT = 1 HNT; 1 VNT = 200–500 Vàng (dao động theo map/crowd).

1) Khái niệm & thang “tư chất” (cho nguyên linh cao cấp): Siêu nguyên linh = nguyên linh từ bát-cửu phẩm trở lên, có đặc điểm “ổ sinh” riêng biệt/hiếm gặp; chịu ảnh hưởng mạnh của map và khí vận. SSTĐL là “hình sinh” (hoa/đóa), còn 5 siêu nguyên linh bên dưới là “tích sinh” theo môi trường (lửa, mộc, nguyệt, thủy, kim).

## 2) So sánh nhanh với Song Sinh Tĩnh Đế Liên (SSTĐL)

- Khởi sinh: SSTĐL = Trời sinh thất phẩm (2 đóa song sinh); 5 siêu NL = Bát-Cửu; không cố định map.
- Tiến trình tự thân: SSTĐL chu kì 3×3000 năm → tăng đóa (ngoại lệ hiếm: 10 đóa = thập phẩm); 5 siêu NL: tăng theo môi trường; không có ‘đóa’.
- Hóa hình: SSTĐL đủ 10 ‘đóa’ hoá kiếp → hoá hình 10 thân (liên kết); 5 siêu NL: hoá hình 9–10 phẩm (nhân hoá rời).
- Cộng hưởng: SSTĐL 10 thân cùng buff/debuff, cho phép hợp nhất (đặc thù); 5 siêu NL: buff riêng, dùng pháp/hoàn đặc thù.
- Nhi vi: SSTĐL nặng ‘hình/sinh’; 5 siêu NL thiên ‘môi/sinh’ (chuyển dịch theo map).

### 3) 5 siêu nguyên linh (địa bàn · tư chất · ứng dụng)

- Thiên Viêm Hàn Tuỷ Song Thạch (Vành Tây Bắc): Khoáng linh song hàn-hỏa, rìa Vành Núi Bằng. Phẩm: Bát-Cửu. Tư chất: 'sốc nhiệt'. Ứng dụng: Song Tức Đan (tức phát êm, ít phản chấn); Ngưng Tuỷ Cao (y - kỹ mạch lò hạch). Ghi chú: khai thác cẩn thận theo mạch nứt cổ; 15-40 HNT/cán thô.
- Hư Quang Tụ Tùng (tích lưu ảnh): Mộc linh phát quang mờ, di tích Thánh Tích Lưu Ảnh. Phẩm: Cửu; nhóm quang mộc. Sản vật: 'Quang Ẩn Hoàn' (điểm/che quang); 'Quang Mộc Châu' (ứng cấm quang). Lưu ý: ẩm/ẩm; nên xin Ẩn trước; 3-7 HNT/cành.
- Minh Mộc Nguyệt Thai (Âm Quốc - vịnh Không Sao): Mộc linh âm nguyệt trong mỏ sâu có giếng trắng. Phẩm: Cửu; nhóm nguyệt mộc. Sản vật: 'Nguyệt Thai Tấn' (hạ nhiệt tâm); 'Tĩnh Hồn Hoàn' (trầm tâm). Lưu ý: kiêng nóng; bọc vải mát; 6-15 HNT/ quả non.
- Hải Nhãn Triều Tinh (Hải Miếu - hoang triều): Khoáng linh nhãn mặn, bờ biển 'nhịp' triều lên phát quang. Phẩm: Bát-Cửu. Sản vật: 'Triều Tức Đan' (tức công con nước); 'Định Ẩn Ngọc' (neo khí vận). Ghi chú: hợp lô; cùng người biển sống; 8-20 HNT/viên.
- Hoàng Sa Kim Tạng (Sa Mạc Vô Tận): Sa tinh kim; hạt vàng lẫn cát tím theo gió. Phẩm: Bát-Cửu; nhóm kim. Sản vật: 'Kim Căn Tấn' (cố căn mệnh); 'Pháp Kim Mộc' (tránh xước mạch khí). Lưu ý: tránh tĩnh điện khi khai thác; giá thị trường biến động.

4) Song Sinh Tịnh Đế Liên (SSTĐL) — bảng phần & ứng dụng (tổng quan):

- Rễ: Bồi mạch khí-huyết; nền cho 'Nguyên Căn Hoàn'.
- Củ sen: Cường hoá thể-tuỷ; thân pháp mềm; nền 'Túc Huyết Đan'.
- Giọt sương: Tinh khiết hoá tâm; tĩnh tâm niệm; nền 'Tĩnh Tâm Lộ'.
- Hạt: Mạnh lò hạch; công nghiệp luyện đan; nền 'Tĩnh Trầm Hoàn'.
- Hoa: Cửng cố hình ngộ; khung 'Chịu Tịnh Ấn Đan' (cao nguy cơ).
- Lá: Giảm 'xóc' linh khí; trấn định mạch; nền 'Khu Phong Tán'.
- Thân: Làm cột trện; giá trị 'tĩnh vật' cao nhất.

5) Đan dược — chuẩn hoá tên & thang phẩm: Thang: Phàm tán → Nhất phẩm → ... → Lục phẩm → ... phẩm = Thánh đan → Thần đan. Yêu cầu tu luyện: bậc đan sư tương xứng (Thánh đan  $\geq$  Thánh Nhị trọng; Thần đan đòi hỏi Thần lực/PDU & Nguyên Linh 10p).

5.1 HỒI NGUYÊN HOÀN (khí huyết · pháp lực · bình phục): Nhất phẩm: Tàng Nguyên Hoàn (Nhất) — phục hồi khí huyết, bù tổn thất nhỏ; sơ cấp. Nhị phẩm: Tàng Nguyên Hoàn (Nhị) — phục hồi sâu; tăng hiệu. Tam-Lục phẩm: Tạng tịnh—hoàn tâm—đan (hoạ/ tâm/ tĩnh). Thất-Cửu (Thánh): Thánh Nguyên Đan / Chu Túc (ngưng mạch ngưng, cấm pháp trện).

5.2 HUYẾT LINH HỒI (cốt tuỷ · thân thể): Nhất phẩm: Cốt Tuỷ Đan (Huyết Linh Thổ). Nhị phẩm: Huyết Linh Hoàn (Nhị). Tam-Lục: Ngưng Cốt Hoàn, Huyết Sương Hoàn... Thất-Cửu: Tịnh Hồn Hoàn/ Tâm Đan (bồi bổ Thánh thể).

5.3 TỊNH LINH HỆ (thần trí · khí linh): Nhất phẩm: Thanh Phong Tán (Tịnh Linh Thảo). Nhị phẩm: Thanh Phong Tán (Nhị)/Tịnh Linh Vương. Thất-Cửu: Tịnh Hồn Hoàn/Minh Tâm Đan (đối bố thần thức).

---

6) Tiền tệ & kinh tế (tóm tắt dùng khi viết): 100 VNT = 1 HNT; 1 VNT = 200-500 Vàng (mềm theo map/crowd; thuế map 1-2 thành). Quy ước 'thành' = 10% để diễn tả cảm giác: "tốc độ hơn ba thành", "tăng bảy thành". Phàm tiền (đồng/bạc kim/vàng/bí ngân) dùng dân sinh; tu sĩ giao dịch bằng VNT/HNT.

7) Hook viết nhanh: Dùng sinh vật **\*\*show\*\*** thay vì công thức: rắc Quang Ấn Hoàn lên trán → mắt bùng; nhấp Túc Huyết Đan → gân tay nổi chữ. Siêu nguyên linh = mỗi plot; SSTĐL = tiềm năng thí mở (mở buff toàn map).

# ARCLUNE — Addendum — Kinh tế & Đan dược (DELUXE v0.3)

DocMeta: [[ANCHOR: RM.ECON.DRUGS]] · Reader-Mode VN · Build 2025-08-15 12:40

Bản v0.3 bổ sung **Nguyên linh theo phẩm + chủ dược**, đặt lại **tên nhị phẩm** thanh nhã hơn, và đặc tả **Song Sinh Tịnh Đế Liên** (chu kỳ 3×3000 năm, lộ trình 2→10 đóa → độ kiếp → hoá hình).

## [[ANCHOR: RM.ECON.CURRENCY]] A) Tóm lược tiền tệ năng lượng & phàm (kế thừa v0.2)

- **VNT**: 100 VNT = 1 Hạ Nguyên; **1 VNT**  $\approx$  200–500 Vàng (TC). Đổi vụn → thỏi **hao 1–2 thành**.
- Tiền phàm: 1000 đồng = 100 bạch kim = 10 vàng = 1 bí ngân. Đồ phàm định giá bằng tiền phàm; dịch vụ tu/hàng aether định giá bằng VNT/Nguyên tinh.

## [[ANCHOR: RM.DAN.HERBS]] B) Nguyên linh theo phẩm & đan dược tương ứng

### **Nhất phẩm (1)**

- **Hồi Nguyên Thảo** — chủ dược luyện **Tàng Nguyên Hoàn** (nhất phẩm). Tính ôn, kéo khí mượt; thường mọc ở rìa rừng TSL/ven suối.
- **Huyết Linh Thảo** — chủ dược luyện **Cốt Tủy Đan** (nhất phẩm). Tính nhiệt, mạnh gân; hay mọc nơi đất đỏ/quặng sắt (CGQ/LC ven ngoài).
- **Tịnh Linh Thảo** — chủ dược luyện **Thanh Phong Tán** (nhất phẩm). Tính thanh, dọn nhiễu; gặp ở sườn núi ẩm, chỗ rêu trắng.

### **Nhị phẩm (2) — đặt lại tên (tránh “Thảo + Vương”)**

Đổi cách gọi **thanh nhã** theo bộ phận/chất **(Diệp/ Căn/ Lộ)**:

- **Hồi Nguyên Diệp** (thay cho “Hồi Nguyên Thảo Vương”) — chủ dược **Tàng Nguyên Hoàn** (nhị phẩm). Lá dày sẫm, gân dọc rõ.
- **Huyết Linh Căn** (thay cho “Huyết Linh Thảo Vương”) — chủ dược **Cốt Tủy Đan** (nhị phẩm). Rễ đỏ như mạch, cắt rỉ máu nhạt.
- **Tịnh Linh Lộ** (thay cho “Tịnh Linh Thảo Vương”) — chủ dược **Thanh Phong Tán** (nhị phẩm). Thu sương đầu canh tư, mùi mát như gạo mới.

### **Ghi chú luyện đan (áp dụng chung)**

- **Tu vi người luyện** phải tương xứng phẩm đan; **Ngung Đan** không thể luyện **Tứ phẩm**.
- **Thánh đan (7–9)**: tối thiểu **Thánh nhân nhất trọng**.
- Công thức có **1–2 chủ dược** (nguyên linh đúng màu aether) + **3–9 phụ dược** để ổn định/đẩy dẫn.
- Lò: pháp đỉnh/án trận/giàn cơ giới — miễn **giữ nhịp** & **hợp màu** map.

## [[ANCHOR: RM.HERB.SONGSINH LIEN]] C) Song Sinh Tịnh Đế Liên — từ Thất phẩm đến Thập sinh

**Mô tả:** Liên mọc hệ **tịnh/sinh**, thường gặp ở đầm lầy sâu, rừng ẩm có **aether** mọc/sinh mệnh **dày**. **Trời sinh Thất phẩm**. Khi sinh ra liền có **dị tượng** (ánh thanh bạch, chuông bần).

**Chu kỳ 3×3000 năm:**

- 1) **3000 năm** → **ra hoa (2 đoá)** — khởi điểm “Song Sinh”.
- 2) **+3000 năm** → **kết hạt** (2 tổ liên tử).
- 3) **+3000 năm** → **hạt chín**. **Nếu không bị hái**, cây **tự tái hấp thu** toàn bộ → **mọc thêm 1 đoá** (tăng +1).
- Từ **2 đoá** → **10 đoá** cần **8 chu kỳ × 9000 năm = 72.000 năm** (tính từ mốc 2 đoá). Tổng từ lúc sinh đến 10 đoá: **≈ 75.000 năm**.

**Quy tắc tiến phẩm & tu vi:**

- Mỗi lần **tăng đoá** → **tu vi bản thể tăng tương ứng** (không theo “chu kỳ nguyên linh tiêu chuẩn”).
- Tới **10 đoá** → **độ kiếp**. Qua kiếp → **hóa hình**.
- Hóa hình**: mỗi **đoá** hóa thành **1 người** → **10 người** cùng nguồn: **cộng hưởng buff/debuff**, chia sẻ một phần nghĩ suy.
- Tu đến Bán Thần** vẫn **ngưng tụ thần cách & đột phá** được như thường. Đặc biệt có thể **hợp nhất** (hợp thần quốc/thần cách/tu vi) vì “vốn là một”.
- Sau hóa hình, **khởi lại ở Thất phẩm** (thánh) để **tu tốc độ rất nhanh** (bản chất tương đương “10 phẩm nguyên linh”).

**Về “lò hạch” của nguyên linh:**

Theo chuẩn Arclune: **nguyên linh không có lò hạch**; **bản thể chính là lò**. Do đó **không gán cấp lò hạch** cho Tịnh Đế Liên. Khi miêu tả, có thể nói **“sánh ngang thượng cấp/thần cấp lò hạch”** theo **cảm giác** (dùng “thành”), không dùng %.

**Chế đan liên quan (Thánh → Thần):**

- Liên Tâm** (nhân/tâm của hoa): chủ dược **Hộ Thần** (thánh) — phục hồi linh hồn sạch mà êm.
- Thanh Liên Lộ** (sương trên đế): chủ dược **An Thần** (thánh) — mở khe cảm ngộ, ít lệ thuộc.
- Đế Liên Tử** (hạt chín): phối **Phá Cảnh Đan** (thánh) — chỉ tăng xác suất; cường quá dễ lưu tạt.
- Tịnh Đế Tâm** + **PDU** (thần lực) + án trận hợp màu → có thể luyện **Thần đan** (hiếm). **Dược lực tối đa** khi dùng **toàn bộ bản thể** (ác nghiệp nặng).

**Nguy cơ & luật:**

- Bí mật**: càng nhiều đoá, **dị tượng mạnh** → dễ bị phát hiện. Lỗi/đô hội có **Ấn trật tự** ngăn sẵn trộm.
- Sản nguyên linh hóa hình** là **trọng tội**; vùng biên có “vùng mờ” nhưng dễ dính **điều phối Địa thần**.
- Hái hạt** giữa chu kỳ → **mất cơ hội tăng đoá** ở lần đó; cây vào chu kỳ mới (chậm thêm 9000 năm).

**\*\*Gợi ý câu văn (cắm thẳng vào truyện):\*\***

- • “Đầm sâu thở mùi lá ướt; **\*\*hai đoá\*\*** đứng đối, thân sen sáng như giữ đèn — chỗ này **\*\*có Ấn\*\***, nói khẽ thôi.”
- • “Hắn không dám chạm **\*\*liên tử\*\***; chỉ kêu giọt **\*\*Thanh Liên Lộ\*\*** lên nắp bình, mùi mát như gạo mới, đầu óc bớt ồn.”
- • “Người áo đen lắc bình **\*\*Đế Liên Tử\*\***, cười nhỏ: ‘đổi được **\*\*năm thỏi Hạ Nguyên\*\***, cũng đáng’ — chuông hiên bỗng rung một tiếng.”



# ARCLUNE — Addendum — Kinh tế & Đan dược (DELUXE v0.4)

DocMeta: [[ANCHOR: RM.ECON.DRUGS]] · Reader-Mode VN · Build 2025-08-15 12:50

Bản v0.4 bổ sung: (i) **sản vật** của **Song Sinh Tịnh Đế Liên** (rễ/củ/giọt/hạt/hoa/lá/thân) với **đơn tương ứng**; (ii) bảng **ánh xạ tu vi** nếu khởi ở **TT1 trọng** khi tăng 3→10 đoá; (iii) **5 siêu nguyên linh** mới, có địa bàn & công dụng đan/luyện.

## [[ANCHOR: RM.REF]] A) Tham chiếu nhanh (từ v0.3)

- VNT: 100 VNT = 1 Hạ Nguyên; tại TC: 1 VNT ≈ 200–500 Vàng; đổi vụn→thỏi hao 1–2 thành.
- Thang đan: **Phàm (0–6)** · **Thánh (7–9)** · **Thần**; luyện đan yêu cầu **tu vi tối thiểu tương xứng**; Thánh đan ≥ **Thánh nhân nhất trọng**; Thần đan cần **PDU + Nguyên linh 10 phẩm**.

## [[ANCHOR: RM.HERB.SONGSINHLIEN.PROD]] B) Song Sinh Tịnh Đế Liên — sản vật & đơn dược tương ứng

Bộ phận	Mô tả/thu hoạch	Đơn dược / Ứng dụng	Ghi chú & side-effect
Rễ tơ	Rễ mảnh dưới bùn, mùi thơm nhẹ	<b>Mạch Ấm Hoàn</b> (ổn định ấn) <ul style="list-style-type: none"><li>Cao dán trị chuột rút</li></ul>	Lạnh nhẹ bàn chân; dùng
Củ sen (ngó)	Đốt to, ruột xốp trắng	<ul style="list-style-type: none"><li><b>Cốt Trạch Canh</b> (súp phổi)</li><li>Bổ thân lâu ngày</li></ul>	<b>Cốt Tủy Đan</b> (tăng độ ẩm)
Giọt sương trên lá	<b>Thần dược</b> (tinh khiết)	<ul style="list-style-type: none"><li><b>An Thần</b> (thánh)</li><li>Pha <b>Dẫn Khí Hoàn</b> cho nhịp</li></ul>	Dễ nghiền nhẹ; nghỉ 3 ngày hô hấp mượt
Hạt sen ( <b>Đế Liên</b> )	Chỉ <b>trái</b> khi <b>chín</b> ; xanh bạc	Phối <b>Phá Cảnh Đan</b> (thánh)	Cưỡng xác đầu tư đột phá
Hoa sen	Cánh dày, hương trong	<ul style="list-style-type: none"><li><b>Tịnh Ý Hương</b> (đốt nhẹ trước <b>trần miếu</b>)</li><li>Phối <b>Hộ Thần</b></li></ul>	→ khô mắt <b>m</b>
Lá sen	Phiến rộng, gân đều	<ul style="list-style-type: none"><li><b>Tĩnh Túc Cao</b> (đắp trán giảm <b>Động tâm</b>)</li><li>Làm nền <b>án tĩnh</b></li></ul>	<b>Đế Đế Động tâm</b> trên da
Thân sen	Xanh giòn, nhiều mạch khí	<ul style="list-style-type: none"><li><b>Dẫn Khí Tụy</b> (tán uống trước <b>ứng vận</b>)</li><li>Gia vị ẩm bụng</li></ul>	hắt hơi; nên n

**Lưu ý đạo đức/pháp luật:** Sản **nguyên linh hóa hình** là **trọng tội**; ở vùng biên có “vùng mờ” nhưng dễ dính **điều phối Địa thần**.

**[[ANCHOR: RM.HERB.SONGSINH LIEN.REALM]] C) Ánh xạ tu vi theo số đoá (giả định khởi ở TT1)**

Giả lập điểm neo: 2 đoá = TT1. Mỗi +1 đoá thường tăng ~1 trọng ở dải Thánh Tôn (TT); khi chạm đỉnh TT, độ bão hoà khiến bước nhảy chậm lại (cần bối cảnh map, khí vận). Dưới đây là mốc gợi ý (±1 trọng tùy cảnh):

Số đoá		Ghi chú
3 đoá		Dị tượng nhẹ (ánh viên).
4 đoá		Hương tịnh rõ, thú hoả sương sớm.
5 đoá		Có thể kháng ấn nhẹ (chợ nhỏ).
6 đoá		Đấu bền; ít mệt khi dầm nước lạnh.
7 đoá		Tiệm cận cửa Thánh Nhân (cần duyên).
8 đoá		Dị tượng mạnh; dễ bị Ấn để ý.
9 đoá		Đỉnh TT, sát ngưỡng Thánh Nhân.
10 đoá		Độ kiếp → Hóa hình (10 thân).

Sau hóa hình: khởi lại ở Thất phẩm (thánh) nhưng tốc độ tu cực nhanh (bản chất tương đương “10 phẩm”); có thể hợp nhất 10 thân (hợp thần quốc/thần cách/tu vi).

**[[ANCHOR: RM.HERB.SUPER]] D) 5 siêu nguyên linh khác (địa bàn · sản vật · đơn dược)**

**\*\*Thiên Viêm Hàn Tủy Song Thạch\*\***

Khoáng linh song thuộc tính **\*\*hỏa + băng\*\***; vết nứt đỏ lam xen kẽ; gặp ở rìa **\*\*Vành Nút\*\***/động băng **\*\*BTB\*\*** sát mạch dung nham.

Ứng dụng:

- • **\*\*Song Túc Đan\*\***: bộc phát ngắn nhưng ổn định (ít rỗng gối).
- • **\*\*Ngưng Tủy Cao\*\***: chữa viêm khớp lạnh-hàn cho luyện thể.

Ghi chú: Dùng sai ‘màu’ → sốc nhiệt; nên ủ cùng muối đen SMVT 3 canh.

**\*\*Hư Quang Tự Tụ Tùng\*\***

Mộc linh phát quang mờ; chỉ mọc ở **\*\*TTLẢ\*\*** gần di tích; đêm thấy vòng quang.

Ứng dụng:

- • **\*\*Hộ Thần (quang mộc)\*\***: trấn mộng rách.
- • **\*\*Quang Ấn Hoàn\*\***: qua cổng di tích bậc 1-2.

Ghi chú: Chặt bừa dễ bị ‘ám’; nên xin Ấn trấn danh trước khi lấy cành.

**\*\*Minh Mộc Nguyệt Thai\*\***

Mộc linh âm nguyệt, phẳng như thai; gặp ở **\*\*Âm Quốc\*\*** trong mộ sâu có giếng trời.

Ứng dụng:

- • **\*\*Nguyệt Thai Tán\*\***: phục hồi hồn thai nhẹ.
- • **\*\*Tĩnh Hồn Hoàn\*\***: dọn tạp âm cảm ứng.

Ghi chú: Kỵ nắng gắt; đem ra ngoài phải bọc vải mát, kéo ‘khóc’.

**\*\*Hải Nhãn Triều Tinh\*\***

Khoáng linh như mắt biển; ở **\*\*Hải Miếu\*\*** dưới hốc xoáy; khi triều lên phát sáng.

Ứng dụng:

- • **\*\*Định Ấn Ngọc\*\***: neo ấn cá nhân khi vượt bão.
- • **\*\*Triều Túc Đan\*\***: điều nhịp thở sâu, hợp **\*\*Hô Hấp\*\***.

Ghi chú: Lấy sai con nước bị hút; nên đi cùng người biết ‘đếm sóng’.

**\*\*Hoàng Sa Kim Tàng\*\***

Sa linh kim; **\*\*SMVT\*\***; hạt vàng lẫn cát biết ‘chui’ theo gió.

Ứng dụng:

- • **\*\*Kim Gân Tán\*\***: gia cứng gân, hợp luyện kiếm.
- • **\*\*Pháp Kim Mộc\*\***: phủ lưỡi đao, tăng ‘ăn’ aether.

Ghi chú: Dễ cắn tay; đeo bao vải mịn, tránh xước mạch khí.

# ARCLUNE — Addendum — Kinh tế & Đan dược (DELUXE v0.5)

DocMeta: [[ANCHOR: RM.ECON.DRUGS]] · Reader-Mode VN · Build 2025-08-15 12:53

Bản v0.5 (đề nghị #2): Mở rộng **phẩm 3-6** cho ba hệ **Hồi Nguyên / Huyết Linh / Tinh Linh** với naming thanh nhã (**Hoa / Quả / Tâm / Tinh**), mỗi mục kèm habitat, đơn dược chính và side-effect để cắm thẳng vào truyện.

## [[ANCHOR: RM.DAN.NAMING]] A) Khóa đặt tên (nhị-lục phẩm)

- Nhi phẩm**: dùng **Diệp / Căn / Lộ** (đã chốt v0.3).
- Tam-Lục phẩm**: dùng **Hoa / Quả / Tâm / Tinh** theo độ cô kết dược tính.

## [[ANCHOR: RM.DAN.FAM.HN]] B) Hồi Nguyên hệ — phục hồi aether mượt

Màu mát, kéo khí êm, hợp **Hô Hấp (Passive)**.

Đơn trực chính: Tầng Nguyên Hoàn (1→6) + các biến thể êm hơi

Phẩm	Tên nguyên linh	Habitat (gợi ý)	Đơn chính (cấp)	Side-effect (miêu
3	Hồi Nguyên Hoa	TSL bìa rừng, suối nông có s	Tầng Nguyên Hoàn (tam) · <b>l</b>	
4	Hồi Nguyên Quả	TSL sâu hơn, đất ẩm rêu trắ	Tầng Nguyên Hoàn (tứ) · <b>D</b>	
5	Hồi Nguyên Tâm	Gốc già, lõi cứng ánh xanh	Tầng Nguyên Hoàn (ngũ) · <b>T</b>	
6	Hồi Nguyên Tinh	Khe đá mù sương, khí cô đ	Tầng Nguyên Hoàn (lục) · <b>N</b>	

[[ANCHOR: RM.DAN.FAM.HL]] C) Huyết Linh hệ — thân cường, gân cốt dày

Màu nóng, đẩy cơ - hợp luyện thể/đao kiếm.  
Đơn trực chính: Cốt Tủy Đan (1→6) + hỗ trợ tẩm/quán xương

Phẩm	Tên nguyên linh	Habitat (gợi ý)	Đơn chính (cấp)	Side-effect (mùi)
3	Huyết Linh Hoa	Đất đỏ, gần quặng sắt (CG)	Cốt Tủy Đan (tam) · **Huyết	Độc hắc (kết
4	Huyết Linh Quả	Sườn đồi khô, nắng gắt	Cốt Tủy Đan (tứ) · **Huyết Trì	Tàng (ngân hủ
5	Huyết Linh Tâm	Lớp đất sâu gần mạch kim	Cốt Tủy Đan (ngũ) · **Tủy Sink	Độc hắc (ở vớ
6	Huyết Linh Tinh	Hang khô ẩm, ít gió	Cốt Tủy Đan (lục) · **Kim Cốt	Độc hắc (cường

[[ANCHOR: RM.DAN.FAM.TL]] D) Tịnh Linh hệ — an thần, dọn nhiễu

Màu thanh, mở khe cảm ngộ — hợp tĩnh tọa, làm sạch UI.  
Đơn trực chính: Thanh Phong Tán (1→6) + phụ hương định ý

Phẩm	Tên nguyên linh	Habitat (gợi ý)	Đơn chính (cấp)	Side-effect (mùi)
3	Tịnh Linh Hoa	Sườn núi ẩm, mây sáng	Thanh Phong Tán (tam) · **Định	Tàn Hừng (ứ
4	Tịnh Linh Quả	Thung lũng gió yên	Thanh Phong Tán (tứ) · **Minh	Hắc (giấy hắc m
5	Tịnh Linh Tâm	Khe đá có chuông nước	Thanh Phong Tán (ngũ) · **Tâm	Hắc (đá phả (g
6	Tịnh Linh Tinh	Hang tối có giọt đều	Thanh Phong Tán (lục) · **Khô	Độc hắc (cường

[[ANCHOR: RM.DAN.RULES]] E) Luật dùng khi viết (nhắc lại ngắn)

- • \*\*Không nâng cấp/Thức tỉnh giữa combat\*\*;  
cut-scene cảm ngộ chỉ chạy khi an toàn.
- • \*\*Tu vi người luyện phải >= phẩm đan\*\*;  
\*\*Thánh đan (7-9)\*\*: ≥ \*\*Thánh nhân nhất trọng\*\*;  
\*\*Thần đan\*\*: cần \*\*PDU + nguyên linh 10 phẩm\*\*.
- • Diễn đạt bằng \*\*thành\*\* (1 thành = 10%); tránh bảng số.
- • Khi quy đổi \*\*VNT/Hạ Nguyên ↔ tiền phàm\*\*:  
luôn có \*\*phí\*\* 1-2 \*\*thành\*\*, trượt theo map & crowd.

# ARCLUNE — Addendum — Kinh tế & Đan được (DELUXE) — PATCH v0.6

DocMeta: [[ANCHOR: RM.HERB.SONGSINH LIEN.REALM]] · Patch khung \*\*Thánh Nhân → Thánh Hoàng → Thánh Tôn\*\* cho Song Sinh Tịnh Đế Liên · Build 2025-08-15 13:09

**Chuẩn master:** Thánh Tam Bộ = **Thánh Nhân (TN) → Thánh Hoàng (TH) → Thánh Tôn (TT)**; mỗi bộ 1-9 trọng.

**Rule tăng cấp của Song Sinh Tịnh Đế Liên (SSTĐL):** mỗi chu kỳ 9000 năm có 3 tick 3000 năm (mỗi tick +1 “vi”) + lúc ngưng tụ thêm 1 đoá (+1 “vi”) ⇒ **mỗi thêm 1 đoá = +4 vi = +1 trọng**. Hai đoá đầu có hao phí hợp mạch nên hiệu lực **+3 trọng/đoá**.

**Bảng ánh xạ (khởi ở TN1, trời sinh 2 đoá):**

Số đoá sau ngưng tụ	Tăng/đoá (trọng)	Cộng dồn (trọng)	Cảnh giới đạt được	Ghi chú
2 (trời sinh)	—	0	Thánh Nhân 1	gốc hệ song sinh
3	+3	3	Thánh Nhân 4	trừ hao hợp mạch
4	+3	6	Thánh Nhân 7	ổn mạch dẫn
5	+4	10	Thánh Hoàng 2	vượt TN9 → TH2
6	+4	14	Thánh Hoàng 6	leo đều
7	+4	18	Thánh Tôn 1	vượt TH9 → TT1
8	+4	22	Thánh Tôn 5	leo đều trong TT
9	+4	26	Thánh Tôn 9	chạm trần TT
10	(+4 rồi <b>độ kiếp</b> )		Hóa hình (10 thân)	reset hiển lộ về <b>Thất p</b>

**Dùng khi viết:** hai đoá đầu ‘điểm đậm tăng ba bậc’; từ đoá thứ năm trở đi ‘mỗi đoá vượt bốn bậc’. Lúc nhảy bộ (TN→TH; TH→TT) nên tả **đổi tên luật** của đằm: gân lá đổi họ, mạch bần khóa lại — mất **một bước** để “gọi đúng tên” của mình.

# ARCLUNE — Addendum — Kinh tế & Đan dược (DELUXE) · v0.7b (PATCHED)

DocMeta: [[ANCHOR: AR.ECON.DRUGS]] · Không gắn vào RM bundle · Font: DejaVuSans

## 0) Mục tiêu patch

- Nhúng 5 siêu nguyên linh + phân bậc tư chất (không ngang hàng với Song Sinh Tịnh Đế Liên).
- Bổ sung sản vật & đơn dược của Song Sinh Tịnh Đế Liên.
- Bảng ánh xạ tu vi theo số đoá hoa (chuẩn TN→TH→TT).
- Tiền tệ: Vụn Nguyên Tinh (VNT), Hạ Nguyên (HNT), cùng khuyến nghị dùng “thành” thay vì % khi mô tả.

## 1) Khái niệm & thang tư chất

- Song Sinh Tịnh Đế Liên (SSTĐL): ngoại lệ duy nhất đạt đỉnh tư chất hữu sinh, có cơ chế tăng đoá → hoá hình → hợp nhất.
- Siêu nguyên linh (5 loại mới): tư chất < SSTĐL một bậc; đỉnh cao ở Bát-Cửu phẩm theo map; không có cơ chế tăng đoá; vẫn chịu bias map & khí vận.
- Khi miêu tả nên dùng “thành”: 1 thành = 10%; ví dụ: ‘đổi vụn → thổi hao một đến hai thành’.

## 2) So sánh nhanh với Song Sinh Tịnh Đế Liên (SSTĐL)

Tiêu chí	SSTĐL	5 siêu nguyên linh (patch)
Khởi điểm	Trời sinh Thất phẩm (2 đoá); luôn có dị tu	Bát-Cửu phẩm (map phụ thuộc); KHÔNG cơ chế đoá
Tiến phẩm bản thể	Theo chu kỳ 3×3000 năm + tăng đoá	Theo môi trường & chăm sóc; không có mốc ‘đóa’
Hoá hình	10 đoá → độ kiếp → hóa hình 10 thân	Không hoá hình; chỉ tăng phẩm mộc tốc
Cộng hưởng	10 thân cộng hưởng buff/debuff; có thể hợp nhất	Không có ‘10 thân’; hiệu ứng đơn thể

## 3) Song Sinh Tịnh Đế Liên — sản vật & đơn dược

Bộ phận	Mô tả	Đơn dược / Ứng dụng	Ghi chú
Rễ tơ	Rễ mảnh dưới bùn, mùi thơm ấm	Mạch Tắm Hoàn (ổn định ấn); Cao dán	Liệt huệ chân; dùng quá
Củ sen (ngó)	Đốt to, ruột xốp trắng	Cốt Trạch Canh (súp phổi Cốt Tủy Đan)	Nấm nhân; bổ thận
Giọt sương (Thanh Liên)	Liều nhẹ) canh tu; tinh khiết	An Thần (thánh); pha Dẫn Khí Hoàn	Đến hạ thổ một
Hạt (Đế Liên Tử)	Chỉ lấy khi chín; xanh bạc	Phối Phá Cảnh Đan (thánh) → tăng xác	Cuối độ phá (trật; tả bằng
Hoa sen	Cánh dày, hương trong	Tịnh Ý Hương (đốt nhẹ trước cảm ngộ)	Khởi niệm
Lá sen	Phiến rộng, gân đều	Tĩnh Túc Cao (đắp trán giảm dao động)	Dễ để; là một
Thân sen	Xanh giòn, nhiều mạch kh	Dẫn Khí Tụy (tán uống trước luyện thở)	Ướt vụn

## 4) Ánh xạ tu vi theo số đoá (giả định khởi ở TN1)

Số đoá sau ngưng	Tăng/đóa (trọng)	Cộng dồn (trọng)	Cảnh giới đạt được	Ghi chú
2 (trời sinh)	—	0	Thánh Nhân 1	Gốc hệ song sinh
3	+3	3	Thánh Nhân 4	Trừ hao hợp mạch
4	+3	6	Thánh Nhân 7	Ổn mạch dẫn

5	+4	10	Thánh Hoàng 2	Vượt TN9 → TH2
6	+4	14	Thánh Hoàng 6	Leo đều
7	+4	18	Thánh Tôn 1	Vượt TH9 → TT1
8	+4	22	Thánh Tôn 5	Leo trong TT
9	+4	26	Thánh Tôn 9	Chạm trần TT
10 (+ độ kiếp)	—	—	Hóa hình (10 thân)	Reset hiển lộ về Thất phẩm (thái



## 5) Năm siêu nguyên linh (địa bàn · sản vật · ứng dụng)

- Thiên Viêm Hàn Tủy Song Thạch (VN/BTB)

Khoáng linh song hỏa+băng; vết nứt đỏ lam; rìa Vành Nút/động băng Băng Tây Bắc.

Ứng dụng: Song Túc Đan (bộc phát ngăn ổn định); Ngưng Tủy Cao (khớp lạnh-hàn).

Ghi chú: Dùng sai 'màu' → sốc nhiệt; ủ cùng muối đen SMVT 3 canh.

- Hư Quang Tự Tụ Tùng (TTLẢ)

Mộc linh phát quang mờ; gần di tích Tịnh Lưu Ảnh; đêm thấy vòng quang.

Ứng dụng: Hộ Thần (quang mộc) — trấn mộng rách; Quang Ấn Hoàn — qua cổng di tích bậc 1-2.

Ghi chú: Nên xin Ấn trấn danh trước khi lấy cành; tránh 'ám'.

- Minh Mộc Nguyệt Thai (Âm Quốc)

Mộc linh âm nguyệt, phồng như thai; trong mộ sâu có giếng trời.

Ứng dụng: Nguyệt Thai Tán; Tịnh Hồn Hoàn.

Ghi chú: Kỵ nắng gắt; bọc vải mát khi mang ra ngoài.

- Hải Nhãn Triều Tinh (Hải Miếu)

Khoáng linh như mắt biển ở hốc xoáy; triều lên phát quang.

Ứng dụng: Định Ấn Ngọc (neo ấn cá nhân khi vượt bão); Triều Túc Đan (hợp kỹ năng Hộ Hấp).

Ghi chú: Đi đúng con nước; đi cùng người biết 'đếm sóng'.

- Hoàng Sa Kim Tàng (SMVT)

Sa linh kim; hạt vàng lẫn cát biết 'chui' theo gió.

Ứng dụng: Kim Gân Tán (gia cứng gân); Pháp Kim Mộc (phủ lưới đao).

Ghi chú: Đeo bao vải mịn; tránh xước mạch khí.

## 6) Tiền tệ & đổi chéo

• VNT:  $100 \text{ VNT} = 1 \text{ Hạ Nguyên (HNT)}$ . Tỷ giá mềm:  $1 \text{ VNT} \approx 200\text{--}500 \text{ Vàng}$  (dao động theo crowd & thuế map). Đổi vụn → thỏi hao 1-2 thành. • Tiền phàm:  $1000 \text{ đồng} = 100 \text{ bạch kim} = 10 \text{ vàng} = 1 \text{ bí ngân}$ . Hàng aether định giá bằng VNT/HNT; đồ phàm định giá bằng tiền phàm.